

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH XUYỀN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2018/HNGĐ-ST

Ngày 23-8-2018

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH XUYỀN, TỈNH VĨNH PHÚC**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Anh Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Tiến
2. Ông Nguyễn Nghĩa Quy.

Thư ký tòa án: Bà Nguyễn Thị Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B mở phiên tòa sơ thẩm xét xử vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 63/2018/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2018/QĐST - HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Bạch Y, sinh năm 1991; cư trú tại: Thôn Đ, xã N, Thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc, “có mặt”.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Hồng T, sinh năm 1980; cư trú tại: Thôn V, xã B, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. Hiện đang chấp hành án tại: Đội 33, Phân trại số 1, Trại giam V – Cục cảnh sát quản lý trại giam (C10), Bộ Công an, “vắng mặt”.

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 3 năm 2018 và những lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn là chị Phạm Bạch Y trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Hồng T được tự do tìm hiểu và kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 02 tháng 11 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị về chung sống làm ăn tại xã B, huyện B, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc. Đến khoảng giữa năm 2011, sau khi chị sinh cháu đầu tiên, vợ chồng chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T chơi bời, cờ bạc, lơ đãng, không chịu làm ăn phát triển kinh tế gia đình dẫn đến phá tán tài sản, nợ nần nhiều. Chị có nhiều lần khuyên bảo anh T nhưng anh không nghe và

không quan tâm đến cuộc sống gia đình, vợ con, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Năm 2016, anh T chơi bời, không tu trí làm ăn dẫn đến phạm tội và bị Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt tù, hiện anh T đang chấp hành án tại đội 33, Phân trại số 1, Trại Giam V – Cục cảnh sát quản lý trại giam (C10), Bộ Công an. Từ khi anh T đi chấp hành án đến nay, cuộc sống vợ chồng xa cách, không còn quan tâm đến nhau và không có hạnh phúc. Nay, chị xác định không còn tình cảm với anh T, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị khai nhận có hai con chung là cháu Nguyễn Hồng P1, sinh ngày 14/6/2011 và cháu Nguyễn Hồng P2, sinh ngày 19/5/2015, hiện nay các cháu đang ở với chị. Ly hôn, nguyện vọng của chị xin được nuôi cả hai cháu và chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung, vì hiện nay anh T đang chấp hành hình phạt tù không có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung: Chị không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Hồng T trình bày (Tại bản tự khai ngày 25/7/2018): Anh thừa nhận lời khai của chị Y về thời gian kết hôn, quá trình chung sống vợ chồng cũng như nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị là đúng, anh thừa nhận tình cảm vợ chồng đến nay không còn. Nay chị Y xin ly hôn anh, quan điểm của anh đồng ý ly hôn với chị Y.

Về con chung: Anh thừa nhận có hai con chung như chị Y trình bày là đúng. Ly hôn, anh đồng ý để chị Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu. Anh không có điều kiện đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung vì hiện nay đang phải chấp hành hình phạt tù.

Về tài sản chung: Anh không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ và xác minh, anh T hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam V – Cục cảnh sát quản lý trại giam (C10), Bộ Công an không thể đến Tòa án hòa giải và giải quyết vụ án được. Anh T có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xét xử vắng mặt anh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Thẩm phán được phân công thụ lý vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 về: Thụ lý vụ án, giao nhận thông báo thụ lý vụ án cho Viện kiểm sát và các đương sự, xác định tư cách của những người tham gia tố tụng; việc xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ đúng, đầy đủ. Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự về thời hạn chuẩn bị xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Bạch Y. Giao hai cháu Nguyễn Hồng P1, Nguyễn Hồng P2 cho chị Y được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

XÉT THÁY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Hồng T hiện đang chấp hành án phạt tù nên không thể đến Tòa án để tham gia hòa giải và giải quyết vụ án được. Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ anh T có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và giải quyết, xét xử vắng mặt anh. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được và xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 207, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai của chị Y, anh T, lời khai của chị Y tại phiên tòa thể hiện: Việc kết hôn giữa chị Phạm Bạch Y và anh Nguyễn Hồng T trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị Y và anh T là hợp pháp. Quá trình chung sống, anh T đã vi phạm pháp luật và phải đi chấp hành án, hai bên không cùng chung sống và gắn bó tình cảm với nhau. Mặt khác, anh T không tu trí làm ăn, không chăm lo cho đời sống gia đình, mặc dù chị Y nhiều lần khuyên bảo nhưng anh không sửa. Đó là nguyên nhân của những mâu thuẫn vợ chồng nảy sinh và ngày càng trầm trọng không thể giải quyết được. Từ đầu năm 2016, chị Y đã bỏ về nhà mẹ đẻ và sống ly thân hoàn toàn với anh T, hai bên đều xác định tình cảm vợ chồng không còn. Nay chị Y xin ly hôn, anh T đồng ý. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Y và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Bạch Y.

[3] Về con chung: Vợ chồng chị Y và anh T thừa nhận có hai con chung là cháu Nguyễn Hồng P1, sinh ngày 14/6/2011 và cháu Nguyễn Hồng P2, sinh ngày 19/5/2015. Hiện nay cả hai cháu đang ở cùng với chị Y. Quá trình giải quyết vụ án, anh T (đang chấp hành án tại Trại giam V – Cục cảnh sát quản lý trại giam (C10), Bộ Công an) không có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng cháu P1 và cháu Phát 2. Chị Y, Anh T đều có nguyện vọng nếu ly hôn, hai cháu sẽ giao cho mẹ là chị Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do vậy để đảm bảo sự chăm sóc, nuôi dưỡng đầy đủ cũng như quyền lợi của hai cháu cần thiết giao các cháu Nguyễn Hồng P1, Nguyễn Hồng P2 cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, anh T không phải đóng góp nuôi con là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: Chị Y và anh T đều không đề nghị nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Phạm Bạch Y phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B về giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các Điều 51, 56, 57, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 228; Khoản 1, 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chị Phạm Bạch Y được ly hôn với anh Nguyễn Hồng T.

Về con chung: Giao cho chị Phạm Bạch Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Hồng P1, sinh ngày 14 tháng 6 năm 2011 và cháu Nguyễn Hồng P2, sinh ngày 19 tháng 5 năm 2015.

Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau ly hôn không ai được cản trở, gây khó khăn.

Về án phí: Chị Phạm Bạch Y phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2016/0002612 ngày 05 tháng 4 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. Chị Y đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời gian 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND H.B;
- Chi cục THADS H.B;
- UBND xã B, H.B;
- Trại giam V, C10-BCA;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Anh Vũ

